

Bản án số: 36/2023/HS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lê Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/02/1971 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 0/10; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Lê Văn C, con bà: Lê Thị V; Vợ: Lê Thị M (đã L hôn) và có 03 con; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2023 đến ngày 16/3/2023 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ 01, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị M, sinh năm 1965/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1980/ có mặt.

Trú tại: Xóm L, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968/ vắng mặt.

Trú tại; Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Chị Phạm Thu Q, sinh năm 1980/ vắng mặt
Trú tại: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 31/01/2023, Lê Văn T một mình điều khiển xe mô tô BKS 20H3-1833 đi qua điểm trường L - Trường mầm non V tại xóm L, xã V, huyện Đ thì quan sát thấy mọi người đang đào gốc cây Sừa ở trong sân trường nên T đỗ xe mô tô ở ngoài cổng rồi đi vào xem. Lúc này, chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1989 trú tại tổ 1, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), chị Phạm Thu Quỳnh (sinh năm 1980 trú tại xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) cùng là giáo viên và anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1968 trú tại xóm L, xã V, huyện Đ) là phụ huynh học sinh đang dọn dẹp ở sân trường. T nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 11 Pro của chị Nguyễn Thị L đặt trên ghế đá kê sát tường bao gần cổng trường và thấy chị L và chị Q đang ngồi nói chuyện ở hiên, không chú ý đến chiếc điện thoại di động nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. T liền lại gần và dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động cho vào túi quần phía trước bên phải T đang mặc rồi quay ra điều khiển xe mô tô về nhà. Khi đi được khoảng 50 mét, T dừng lại, tháo lấy sim ra khỏi điện thoại cất vào túi quần phía sau bên phải đang mặc rồi mang điện thoại về nhà bà Trương Thị M (sinh năm 1965, trú tại xóm L, xã V, huyện Đ) là nơi T đang tạm trú cất giấu trong hòm sắt kê tại phòng ngủ rồi quay lại đám ma ăn cơm. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, chị L cùng chị Q, anh H đến nhà bà M nhờ tìm giúp thì bà M phát hiện 01 chiếc điện thoại trong hòm sắt, ở trong phòng ngủ, chiếc điện thoại đang ở chế độ tắt nguồn, chị L mở nguồn thì thấy hình khóa là hình ảnh chị L, chị L bấm mở điện thoại là “858985” thì mở được. Sau đó, chị L đã làm đơn trình báo gửi cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Tại Bản kết luận số 09/KL-HĐĐGTS ngày 02/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu xanh (đã qua sử dụng) có trị giá là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Chị Lê Thị T (em họ của bị cáo T) đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 1.000.000 đồng, chị L không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro, màu xanh, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel số seri 898404800 0380541100 có in chữ 4G Viettel đã trả lại cho chị Nguyễn Thị L là chủ sở hữu quản lý sử dụng.

- 01 xe mô tô BKS 2043-1833 đã trả lại cho bà Trương Thị M là chủ sở hữu quản lý sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSĐH, ngày 14/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 65 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, đã được bồi thường số tiền 1.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên không xem xét giải quyết.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng 11 giờ ngày 31/01/2023, tại điểm trường L - Trường mầm non V thuộc xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Lê Văn T đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro, màu xanh, đã qua sử dụng, trị giá 7.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hội đồng xét xử thấy việc Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Lê

Văn T đề xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm”.

[2]. Về hình phạt, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và đề răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê Văn T chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị hại đã được bồi thường số tiền 1.000.000 đồng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Lê Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo nhất thời phạm tội nên xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, qua đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại, đã được bồi thường số tiền 1.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người

tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. *Hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho ủy ban nhân dân xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. *Án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã Tế Nông;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

